

Phụ lục IV

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN BÓ TRÍ KHỞI CÔNG MỚI CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ THUỘC
CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, NĂM 2024 - BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm của UBND tỉnh Đắk Lắk)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Cơ chế đầu tư (Thông thường/Đặc thù)	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án						Kế hoạch 2024					Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư dự kiến					Tổng số	Trong đó:				
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Nguồn NSTW	Nguồn NST			
								NSTW, NST	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã	Huy động khác			Tổng	Nguồn thu tiền SDD	Nguồn XSKT	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
	TỔNG CỘNG						468.179	373.215	82.667	548	11.749	157.560	63.760	93.800	62.400	31.400	
I	THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT						64.795	44.500	20.130	-	165	18.533	8.933	9.600	5.600	4.000	
I.1	Xã Ea Kao						29.825	21.500	8.280	-	45	8.933	4.933	4.000	1.000	3.000	
1	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã đoạn từ hồ Ea Kao đi Buôn H'Wiê và Buôn H'Drat (02 trục), xã Ea Kao.	Xã Ea Kao	Thông thường	Ban Quản lý xã Ea Kao	2024-2025	7279/QĐ-UBND ngày 20/12/2023	14.970	11.900	3.050	-	20	4.933	3.933	1.000	1.000		
2	Cải tạo, mở rộng đường liên xã Ea Kao – Hòa Khánh (Giai đoạn 1).	Xã Ea Kao	Thông thường	Ban QLDA ĐTXD thành phố Buôn Ma Thuột	2024-2025	7280/QĐ-UBND ngày 20/12/2023	14.855	9.600	5.230	-	25	4.000	1.000	3.000		3.000	
I.2	Xã Hòa Thuận						14.800	11.100	3.650	-	50	4.600	1.000	3.600	3.600	-	
1	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã tuyến 11A và 12A, xã Hòa Thuận (giai đoạn 1).	Xã Hòa Thuận	Thông thường	Ban Quản lý xã Hòa Thuận	2024-2025	7281/QĐ-UBND ngày 20/12/2023	14.800	11.100	3.650	-	50	4.600	1.000	3.600	3.600		
I.3	Xã Ea Tu						14.900	9.600	5.250	-	50	4.000	3.000	1.000	1.000	-	
1	Đường giao thông liên thôn từ buôn Jù, xã Ea Tu đi thôn Kiên Cường, xã Hòa Thuận (giai đoạn 1).	Xã Ea Tu	Thông thường	Ban Quản lý xã Ea Tu	2024-2025	7282/QĐ-UBND ngày 20/12/2023	14.900	9.600	5.250	-	50	4.000	3.000	1.000	1.000		
I.4	Xã Hòa Phú						5.270	2.300	2.950	-	20	1.000	-	1.000	-	1.000	
1	Đường khu sản xuất từ khu dân cư đi khu sản xuất thôn 8 và khu sản xuất làng Thái, xã Hòa Phú (giai đoạn 1).	Xã Hoà Phú	Thông thường	Ban Quản lý xã Hòa Phú	2024-2025	7283/QĐ-UBND ngày 20/12/2023	5.270	2.300	2.950	-	20	1.000		1.000		1.000	

STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Cơ chế đầu tư (Thông thường/Đặc thù)	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án						Kế hoạch 2024					Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư dự kiến					Tổng số	Trong đó:				
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Nguồn NSTW	Nguồn NST			
								NSTW, NST	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã	Huy động khác			Tổng	Nguồn thu tiền SDD	Nguồn XSKT	
II	THỊ XÃ BUÔN HỒ						44.633	38.500	5.981	-	152	16.500	12.400	4.100	2.500	1.600	
II.1	Xã Ea Drông						17.600	15.840	1.700	-	60	6.800	5.500	1.300	1.300	-	
1	Đường giao thông liên xã từ xã Ea Drông (đoạn từ Km2+629,3) đi xã Ea Siên, thị xã Buôn Hồ.	Xã Ea Drông và xã Ea Siên	Thông thường	Ban QLDA ĐTXD thị xã Buôn Hồ	2024-2025	4201/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	14.200	12.780	1.380	-	40	5.500	5.500	-			
2	Đường giao thông liên xã từ Thôn 6 xã Ea Drông (đoạn từ Km2+109,3) đi xã Ea Blang, thị xã Buôn Hồ.	Xã Ea Drông và Ea Blang	Thông thường	Ban QLDA ĐTXD thị xã Buôn Hồ	2024-2025	4204/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	3.400	3.060	320	-	20	1.300		1.300	1.300		
II.2	Xã Ea Siên						17.710	15.939	1.710	-	61	6.900	6.900	-	-	-	
1	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã từ xã Ea Siên đi xã Bình Thuận (Đoạn từ Km2+477 - Km6 +250), thị xã Buôn Hồ.	Xã Ea Siên và xã Bình Thuận	Thông thường	Ban QLDA ĐTXD thị xã Buôn Hồ	2024-2025	4203/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	9.500	8.550	910	-	40	3.600	3.600	-			
2	Đường giao thông liên xã từ xã Ea Siên đi xã Ea Drông, thị xã Buôn Hồ (từ thôn 1B xã Ea Siên đến Buôn Dhu xã Ea Drông).	Xã Ea Siên và xã Ea Drông	Thông thường	Ban QLDA ĐTXD thị xã Buôn Hồ	2024-2025	4205/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	8.210	7.389	800	-	21	3.300	3.300	-			
II.3	Xã Cư Bao						9.323	6.721	2.571	-	31	2.800	-	2.800	1.200	1.600	
1	Nâng cấp, cải tạo một số trục đường liên thôn buôn Gram A1-A2, xã Cư Bao, thị xã Buôn Hồ.	Xã Cư Bao	Thông thường	Ban QLDA ĐTXD thị xã Buôn Hồ	2024-2025	4206/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	3.900	2.925	960	-	15	1.200		1.200	1.200		
2	Đường từ khu vực dân cư nổi ra nội đồng khu vực sản xuất (Đoạn từ buôn Gram A2 đến trục đường liên xã Cư Bao đi xã EaTul) thuộc xã Cư Bao, thị xã Buôn Hồ.	Xã Cư Bao	Thông thường	Ban QLDA ĐTXD thị xã Buôn Hồ	2024-2025	4202/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	5.423	3.796	1.611	-	16	1.600		1.600		1.600	

STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Cơ chế đầu tư (Thông thường/Đặc thù)	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án						Kế hoạch 2024					Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư dự kiến					Tổng số	Trong đó:				
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Nguồn NSTW	Nguồn NST			
								NSTW, NST	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã	Huy động khác			Tổng	Nguồn thu tiền SDD	Nguồn XSKT	
III	HUYỆN CƯ M'GAR						55.785	43.445	12.090	-	250	18.300	9.100	9.200	5.400	3.800	
III.1	Xã Ea M'Drôh						55.785	43.445	12.090	-	250	18.300	9.100	9.200	5.400	3.800	
1	Hệ thống thoát nước 02 bên đường trung tâm xã Ea M'Drôh, huyện Cư M'gar.	Xã Ea M'Drôh	Thông thường	Ban QLDA ĐTXD huyện Cư M'gar	2024-2025	5817/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	9.000	6.300	2.650		50	2.600	2.600	-			
2	Đường giao thông liên thôn từ thôn Đồng Tâm đi thôn Thạch Sơn (ĐX2).	Xã Ea M'Drôh	Thông thường	Ban QLDA ĐTXD huyện Cư M'gar	2024-2025	5818/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	5.000	4.500	470		30	1.900		1.900	1.900		
3	Đường giao thông từ trung tâm xã ra khu xử lý rác thải (ĐX5).	Xã Ea M'Drôh	Thông thường	Ban QLDA ĐTXD huyện Cư M'gar	2024-2025	5819/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	5.220	4.700	490		30	2.000	2.000	-			
4	Đường giao thông trục thôn buôn, liên thôn buôn trên địa bàn xã Ea M'Drôh (08 tuyến)	Xã Ea M'Drôh	Thông thường	Ban QLDA ĐTXD huyện Cư M'gar	2024-2025	6130/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	13.200	9.900	3.250		50	4.000		4.000	2.000	2.000	
5	Cải tạo, nâng cấp hệ thống các tuyến kênh thuộc đập dâng Ea M'Drôh.	Xã Ea M'Drôh	Thông thường	Ban QLDA ĐTXD huyện Cư M'gar	2024-2025	6242/QĐ-UBND ngày 19/12/2023	14.700	10.250	4.400		50	4.500	4.500	-			
6	Đường giao thông liên thôn từ Thôn Thạch Sơn đi Thôn Hợp Thành (ĐX9).	Xã Ea M'Drôh	Thông thường	BQL xã Ea M'Drôh	2024-2025	5948/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	3.885	3.495	370		20	1.500		1.500	1.500		
7	Đường giao thông liên thôn từ buôn Nhung đi Thôn Đồng Tâm (ĐX 1).	Xã Ea M'Drôh	Thông thường	BQL xã Ea M'Drôh	2024-2025	5830/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	4.780	4.300	460		20	1.800		1.800		1.800	
IV	HUYỆN M'DRẮK						35.040	26.890	7.750	120	280	11.150	2.500	8.650	5.950	2.700	
IV.1	Xã Ea Lai						26.540	20.520	5.720	90	210	8.450	2.500	5.950	4.750	1.200	
1	Hoàn thiện hệ thống đường giao thông liên xã, trục xã Ea Lai (05 tuyến).	Xã Ea Lai	Thông thường	Ban QLDA ĐTXD huyện M'Drắk	2024-2025	5003/QĐ-UBND ngày 21/11/2023	12.850	11.562	1.188	30	70	4.750	1.500	3.250	2.550	700	

STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Cơ chế đầu tư (Thông thường/Đặc thù)	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án						Kế hoạch 2024					Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư dự kiến					Tổng số	Trong đó:				
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Nguồn NSTW	Nguồn NST			
								NSTW, NST	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã	Huy động khác			Tổng	Nguồn thu tiền SDD	Nguồn XSKT	
2	Đường giao thông liên thôn, trục thôn các thôn 3, 4 xã Ea Lai (02 tuyến).	Xã Ea Lai	Thông thường	Ban QLDA ĐTXD huyện M'Drắk	2024-2025	4949/QĐ-UBND ngày 16/11/2023	8.450	6.338	2.012	30	70	2.600	1.000	1.600	1.600		
3	Nhà văn hóa xã, sân thể thao (sân bóng chuyền), xã Ea Lai.	Xã Ea Lai	Thông thường	Ban QLDA ĐTXD huyện M'Drắk	2024-2025	5271/QĐ-UBND ngày 04/12/2023	5.240	2.620	2.520	30	70	1.100		1.100	600	500	
IV.2	Xã Ea Pil						8.500	6.370	2.030	30	70	2.700	-	2.700	1.200	1.500	
1	Đường giao thông liên thôn, trục thôn xã Ea Pil (thôn 8, 9, 12).	Xã Ea Pil	Thông thường	Ban QLDA ĐTXD huyện M'Drắk	2024-2025	5126/QĐ-UBND ngày 23/11/2023	8.500	6.370	2.030	30	70	2.700		2.700	1.200	1.500	
V	HUYỆN EA KAR						9.620	7.088	2.472	20	40	3.000	2.400	600	600	-	
V.1	Xã Ea Pal						3.120	1.404	1.716	-	-	600	-	600	600	-	
1	Đường giao thông trục thôn 4 và thôn 13, xã Ea Pal	Xã Ea Pal	Đặc thù	Ban Quản lý xã Ea Pal	2024-2025	167/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 của UBND xã	3.120	1.404	1.716			600		600	600		
V.2	Xã Ea Ô						6.500	5.684	756	20	40	2.400	2.400	-	-	-	
1	Đường giao thông trục xã ĐX 2 và ĐX 5, xã Ea Ô	Xã Ea Ô	Thông thường	Ban QLDA ĐTXD huyện Ea Kar	2024-2025	657/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	6.500	5.684	756	20	40	2.400	2.400	-			
VI	HUYỆN EA H'LEO						39.715	31.890	5.042	408	2.375	13.500	6.300	7.200	5.700	1.500	
VI.1	Xã Ea H'leo						6.850	5.783	726	15	326	2.400	1.000	1.400	800	600	
1	Đường giao thông liên xã Ea H'leo đi Ea Sol, xã Ea H'leo.	Xã Ea H'leo	Thông thường	Ban QLDA ĐTXD huyện Ea H'leo	2024-2025	4079/QĐ-UBND ngày 19/12/2023	4.300	3.870	344	-	86	1.600	1.000	600		600	
2	Đường giao thông liên thôn từ buôn Dang đi thôn 2C và đường thôn 7 đi hồ Ea H'Leo 1.	Xã Ea H'leo	Thông thường	Ban QLDA ĐTXD huyện Ea H'leo	2024-2025	4078/QĐ-UBND ngày 19/12/2023	2.200	1.650	330	-	220	700		700	700		
3	Đường giao thông thôn 4 đi thôn 3 (đoạn từ nhà ông Ry đến nhà ông Dũng thôn 3), xã Ea H'leo.	Xã Ea H'leo	Đặc thù	Ban Quản lý xã Ea H'leo	2024-2025	251/QĐ-UBND ngày 18/12/2023 của UBND xã	350	263	52	15	20	100		100	100		

STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Cơ chế đầu tư (Thông thường/Đặc thù)	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án						Kế hoạch 2024					Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư dự kiến					Tổng số	Trong đó:				
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Nguồn NSTW	Nguồn NST			
								NSTW, NST	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã	Huy động khác			Tổng	Nguồn thu tiền SDD	Nguồn XSKT	
VI.2	Xã Ea Nam						19.923	15.587	2.688	-	1.648	6.700	3.300	3.400	2.500	900	
1	Đường giao thông liên xã Ea Nam - Dliê Yang (đoạn từ TBA 160 đi thôn 5 xã Dliê Yang).	Xã Ea Nam	Thông thường	Ban QLDA ĐTXD huyện Ea H'leo	2024-2025	4077/QĐ-UBND ngày 19/12/2023	4.300	3.870	344	-	86	1.500		1.500	1.500		
2	Đường giao thông liên thôn (thôn 7 đi thôn 8), xã Ea Nam.	Xã Ea Nam	Thông thường	Ban QLDA ĐTXD huyện Ea H'leo	2024-2025	3679/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	7.200	5.400	1.080	-	720	2.500	2.500	-			
3	Đường giao thông Buôn BRIêng C, Buôn Briêng B, Buôn Kdruh A (03 tuyến).	Xã Ea Nam	Đặc thù	Ban Quản lý xã Ea Nam	2024-2025	176/QĐ-UBND ngày 14/11/2023 của UBND xã	2.580	1.935	387	-	258	800	800	-			
4	Đường giao thông thôn 1, thôn 2A, thôn 3, thôn 4, xã Ea Nam (04 tuyến).	Xã Ea Nam	Đặc thù	Ban Quản lý xã Ea Nam	2024-2025	177/QĐ-UBND ngày 14/11/2023 của UBND xã	2.783	2.087	418	-	278	900		900		900	
5	Đường giao thông thôn 5, thôn 6, thôn 7, xã Ea Nam (3 tuyến).	Xã Ea Nam	Đặc thù	Ban Quản lý xã Ea Nam	2024-2025	178/QĐ-UBND ngày 14/11/2023 của UBND xã	1.800	1.350	270	-	180	600		600	600		
6	Đường giao thông thôn Ea Đen, xã Ea Nam.	Xã Ea Nam	Đặc thù	Ban Quản lý xã Ea Nam	2024-2025	179/QĐ-UBND ngày 14/11/2023 của UBND xã	1.260	945	189	-	126	400		400	400		
VI.3	Xã Ea Ral						7.515	5.636	1.128	350	401	2.400	-	2.400	2.400	-	
1	Đường giao thông thôn 3 đi thôn 5, xã Ea Ral.	Xã Ea Ral	Thông thường	Ban QLDA ĐTXD huyện Ea H'leo	2024-2025	4076/QĐ-UBND ngày 19/12/2023	4.500	3.375	675	200	250	1.400		1.400	1.400		
2	Đường giao thông Buôn A Riêng, xã Ea Ral.	Xã Ea Ral	Đặc thù	Ban Quản lý xã Ea Ral	2024-2025	146/QĐ-UBND ngày 18/12/2023 của UBND xã	2.434	1.826	365	130	113	800		800	800		
3	Đường giao thông Buôn Đoàn Kết và Buôn Tùng, xã Ea Ral (02 tuyến).	Xã Ea Ral	Đặc thù	Ban Quản lý xã Ea Ral	2024-2025	145/QĐ-UBND ngày 18/12/2023 của UBND xã	581	435	88	20	38	200		200	200		

STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Cơ chế đầu tư (Thông thường/Đặc thù)	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án						Kế hoạch 2024					Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư dự kiến					Tổng số	Trong đó:				
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Nguồn NSTW	Nguồn NST			
								NSTW, NST	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã	Huy động khác			Tổng	Nguồn thu tiền SDD	Nguồn XSKT	
VI.4	Xã Cư Mốt						5.427	4.884	500	43	-	2.000	2.000	-	-	-	
1	Đường giao thông liên xã Cư Mốt - Ea Wy (đoạn từ thôn 3 đi thôn 4a, 4b), xã Cư Mốt	Xã Cư Mốt	Thông thường	Ban QLDA ĐTXD huyện Ea H'leo	2024-2025	3667/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	5.427	4.884	500	43	-	2.000	2.000	-			
VII	HUYỆN KRÔNG BÚK						37.826	29.847	6.957	-	1.022	12.700	7.000	5.700	2.200	3.500	
VII.1	Xã Ea Ngai						16.630	10.771	4.877	-	982	4.700	2.500	2.200	2.200	-	
1	Nhà văn hóa, sân thể thao xã Ea Ngai, huyện Krông Búk.	Xã Ea Ngai	Thông thường	Ban Quản lý xã Ea Ngai	2024-2025	2889/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	5.250	2.625	2.600		25	1.100		1.100	1.100		
2	Đường giao thông thôn 1, 2, 3 xã Ea Ngai, huyện Krông Búk.	Xã Ea Ngai	Thông thường	Ban Quản lý xã Ea Ngai	2024-2025	2891/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	3.600	2.700	720		180	1.100		1.100	1.100		
3	Đường giao thông kết nối từ khu dân cư thôn 1, 2, 4, 9 đến các khu sản xuất, xã Ea Ngai, huyện Krông Búk.	Xã Ea Ngai	Thông thường	Ban Quản lý xã Ea Ngai	2024-2025	2892/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	7.780	5.446	1.557		777	2.500	2.500	-			
VII.2	Xã Chư Krô						21.196	19.076	2.080	-	40	8.000	4.500	3.500	-	3.500	
1	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông từ QL14 vào Nông trường cao su Cư Kpô, huyện Krông Búk.	Xã Chư Krô	Thông thường	Ban QLDA ĐTXD huyện Krông Búk	2024-2025	2885/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	11.900	10.710	1.170		20	4.500	4.500	-			
2	Đường giao thông từ Trung tâm xã Chư Krô đến Nông trường cao su Cư Kpô, huyện Krông Búk.	Xã Chư Krô	Thông thường	Ban QLDA ĐTXD huyện Krông Búk	2024-2025	2884/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	9.296	8.366	910		20	3.500		3.500		3.500	
VIII	HUYỆN LẮK						34.000	33.280	620	-	100	13.900	-	13.900	2.900	11.000	
VIII.1	Xã Buôn Triết						22.260	21.580	620	-	60	9.000	-	9.000	1.500	7.500	
1	Nhà văn hóa xã, sân thể thao xã (sân bóng chuyền) xã Buôn Triết.	xã Buôn Triết	Thông thường	Ban QLDA ĐTXD huyện Lắk	2024-2025	4072/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	6.220	5.580	620		20	2.300		2.300	600	1.700	
2	Đường giao thông liên thôn từ thôn Mê Linh 2 đi Buôn Tung 1, xã Buôn Triết.	xã Buôn Triết	Thông thường	Ban QLDA ĐTXD huyện Lắk	2024-2025	4071/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	7.020	7.000			20	2.900		2.900	900	2.000	
3	Cải tạo, nâng cấp đập dâng thôn Đoàn Kết 1, xã Buôn Triết.	xã Buôn Triết	Thông thường	Ban QLDA ĐTXD huyện Lắk	2024-2025	4069/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	9.020	9.000			20	3.800		3.800		3.800	

STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Cơ chế đầu tư (Thông thường/Đặc thù)	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án						Kế hoạch 2024					Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư dự kiến					Tổng số	Trong đó:				
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Nguồn NSTW	Nguồn NST			
								NSTW, NST	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã	Huy động khác	Tổng		Nguồn thu tiền SDD	Nguồn XSKT		
VIII.2	Xã Đắk Liêng						11.740	11.700	-	-	40	4.900	-	4.900	1.400	3.500	
1	Đường giao thông liên thôn từ buôn Mliêng đi thôn Hòa Bình 3, xã Đắk Liêng.	xã Đắk Liêng	Thông thường	Ban QLDA ĐTXD huyện Lắk	2024-2025	4068/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	6.220	6.200	-	-	20	2.600		2.600	800	1.800	
2	Cải tạo, nâng cấp đập dâng cây Dù, xã Đắk Liêng.	xã Đắk Liêng	Thông thường	Ban QLDA ĐTXD huyện Lắk	2024-2025	4070/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	5.520	5.500	-	-	20	2.300		2.300	600	1.700	
IX	HUYỆN CƯ KUIN						35.105	25.531	6.718	-	2.856	10.127	4.600	5.527	5.527	-	
IX.1	Xã Ea Bhốk						35.105	25.531	6.718	-	2.856	10.127	4.600	5.527	5.527	-	
1	Đường giao thông liên xã Ea Bhốk – Ea Ktur (đoạn từ thôn 3 xã Ea Bhốk đi thôn 13 xã Ea Ktur).	Xã Ea Bhốk	Thông thường	Ban QLDA ĐTXD huyện Cư Kuin	2024-2025	3583/QĐ-UBND ngày 20/12/2023	3.600	3.240	180	-	180	1.400	1.000	400	400		
2	Đường giao thông liên buôn từ buôn Ea Kmar đi buôn Ea khít và buôn Ea Bhốk.	Xã Ea Bhốk	Thông thường	Ban QLDA ĐTXD huyện Cư Kuin	2024-2025	3582/QĐ-UBND ngày 20/12/2023	8.155	6.116	1.223	-	816	2.327		2.327	2.327		
3	Đường giao thông liên thôn từ thôn 2 đi thôn 6 xã Ea Bhốk.	Xã Ea Bhốk	Thông thường	Ban QLDA ĐTXD huyện Cư Kuin	2024-2025	3584/QĐ-UBND ngày 20/12/2023	6.400	4.800	960	-	640	2.000	2.000	-			
4	Đường giao thông liên thôn buôn từ buôn Ea Bhốk đi thôn 7.	Xã Ea Bhốk	Thông thường	Ban QLDA ĐTXD huyện Cư Kuin	2024-2025	3585/QĐ-UBND ngày 20/12/2023	5.200	3.900	780	-	520	1.600	1.600	-			
5	Đường giao thông thôn 1 đi thôn 5; thôn 1 đi buôn Ea Bhốk và buôn Ea Bhốk đi buôn Kô Êmông.	Xã Ea Bhốk	Thông thường	Ban QLDA ĐTXD huyện Cư Kuin	2024-2025	3586/QĐ-UBND ngày 20/12/2023	6.500	4.875	975	-	650	1.800		1.800	1.800		
6	Nhà văn hóa, sân thể thao xã Ea Bhốk.	Xã Ea Bhốk	Thông thường	Ban QLDA ĐTXD huyện Cư Kuin	2024-2025	3587/QĐ-UBND ngày 20/12/2023	5.250	2.600	2.600	-	50	1.000		1.000	1.000		
X	HUYỆN KRÔNG PẮC						36.510	30.680	1.718	-	4.112	12.900	1.427	11.473	9.473	2.000	
X.1	Xã Ea Yiêng						10.240	10.173	-	-	67	4.300	-	4.300	2.800	1.500	
1	Đường giao thông thôn, buôn trên địa bàn xã Ea Yiêng.	Xã Ea Yiêng	Thông thường	Ban QLDA ĐTXD huyện Krông Pắc	2024-2025	7099/QĐ-UBND ngày 20/12/2023	10.240	10.173	-	-	67	4.300		4.300	2.800	1.500	
X.2	Xã Ea Hiu						3.350	3.323	-	-	27	1.400	-	1.400	900	500	
1	Đường giao thông thôn, buôn trên địa bàn xã Ea Hiu.	Xã Ea Hiu	Thông thường	Ban QLDA ĐTXD huyện Krông Pắc	2024-2025	6487/QĐ-UBND ngày 11/12/2023	3.350	3.323			27	1.400		1.400	900	500	

STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Cơ chế đầu tư (Thông thường/Đặc thù)	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án						Kế hoạch 2024					Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư dự kiến					Tổng số	Trong đó:				
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Nguồn NSTW	Nguồn NST			
								NSTW, NST	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã	Huy động khác			Tổng	Nguồn thu tiền SDD	Nguồn XSKT	
X.3	Xã Ea Kly						13.340	10.000	1.000	-	2.340	4.200	827	3.373	3.373	-	
1	Đường giao thông thôn, buôn trên địa bàn xã Ea Kly.	Xã Ea Kly	Thông thường	Ban Quản lý xã Ea Kly	2024-2025	7100/QĐ-UBND ngày 20/12/2023	13.340	10.000	1.000	-	2.340	4.200	827	3.373	3.373		
X.4	Xã Ea Kênh						9.580	7.184	718	-	1.678	3.000	600	2.400	2.400	-	
1	Đường giao thông thôn, buôn trên địa bàn xã Ea Kênh.	Xã Ea Kênh	Thông thường	Ban Quản lý xã Ea Kênh	2024-2025	7101/QĐ-UBND ngày 20/12/2023	9.580	7.184	718	-	1.678	3.000	600	2.400	2.400		
XI	HUYỆN EA SÚP						32.520	30.280	2.129	-	111	12.850	1.000	11.850	11.850	-	
XI.1	Xã Ea Bung						5.389	3.750	1.607	-	32	1.550	1.000	550	550	-	
1	Đường giao thông kết nối khu sản xuất thôn 10 xã Ea Bung đi thôn 4 xã Cư Mlan (Đoạn từ ruộng ông Bùi Công Oánh ra Cánh đồng Lâm Xích).	Xã Ea Bung và Cư Mlan	Thông thường	Ban QLDA ĐTXD huyện Ea Súp	2024-2025	4433/QĐ-UBND ngày 07/12/2023	3.600	2.500	1.080	-	20	1.000	1.000	-			
2	Đường giao thông thôn 10 (Đoạn từ nhà ông Thủy đến nhà ông Phú).	Thôn 10 Xã Ea Bung	Đặc thù	Ban Quản lý xã Ea Bung	2024-2025	158/QĐ-UBND ngày 14/11/2023 của UBND xã	1.005	750	250	-	5	300		300	300		
3	Đường giao thông nối với khu sản xuất cánh đồng thôn 7 (Đoạn từ đường liên xã Ea Bung - Ya Tờ Môt nhà ông Đàm ra Cánh đồng thôn 7).	Thôn 7, xã Ea Bung	Đặc thù	Ban Quản lý xã Ea Bung	2024-2025	159/QĐ-UBND ngày 14/11/2023 của UBND xã	562	390	167	-	5	200		200	200		
4	Sân thể thao xã Ea Bung	Xã Ea Bung	Đặc thù	Ban Quản lý xã Ea Bung	2024-2025	157/QĐ-UBND ngày 14/11/2023 của UBND xã	222	110	110	-	2	50		50	50		
XI.2	Xã Ea Lê						27.131	26.530	522	-	79	11.300	-	11.300	11.300	-	
1	Đường giao thông liên thôn 5 đi thôn 6 (từ giáp đường Ea Súp EaHleo (Kiều Thị Tái) đến tỉnh lộ I).	Xã Ea Lê	Đặc thù	Ban Quản lý xã Ea Lê	2024-2025	272/QĐ-UBND ngày 14/11/2023 của UBND xã	2.975	2.970	-	-	5	1.200		1.200	1.200		

STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Cơ chế đầu tư (Thông thường/Đặc thù)	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án						Kế hoạch 2024					Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư dự kiến				Tổng số	Trong đó:					
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Nguồn NSTW	Nguồn NST				
								NSTW, NST	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã			Huy động khác	Tổng	Nguồn thu tiền SDD	Nguồn XSKT	
2	Đường giao thông liên thôn 5 đi thôn 6 (từ nhà bà Hồ Thị Thủy đến tỉnh lộ I (nhà ông Cho) và từ nhà bà Biên thôn 6 đến nhà cộng đồng thôn 5)	Xã Ea Lê	Đặc thù	Ban Quản lý xã Ea Lê	2024-2025	271/QĐ-UBND ngày 14/11/2023 của UBND xã	2.105	2.100	-	-	5	900		900	900		
3	Đường giao thông thôn 3 (từ tỉnh lộ I (nhà ông Quế) đến suối Ea Súp).	Xã Ea Lê	Đặc thù	Ban Quản lý xã Ea Lê	2024-2025	278/QĐ-UBND ngày 15/11/2023 của UBND xã	1.028	1.023	-	-	5	400		400	400		
4	Đường giao thông thôn 4 (từ tỉnh lộ I (Cầu Tịnh) đến đất bà Tuấn).	Xã Ea Lê	Đặc thù	Ban Quản lý xã Ea Lê	2024-2025	280/QĐ-UBND ngày 15/11/2023 của UBND xã	655	650	-	-	5	300		300	300		
5	Đường giao thông liên thôn 1 đi thôn 2 (từ tỉnh lộ I (Ông Ngọc) đến nhà Lan Diệp).	Xã Ea Lê	Đặc thù	Ban Quản lý xã Ea Lê	2024-2025	276/QĐ-UBND ngày 15/11/2023 của UBND xã	878	873			5	400		400	400		
6	Đường giao thông liên thôn 5 đi thôn 6, 7 (Đoạn từ tỉnh lộ I (Kiều Tinh) đến tỉnh lộ I (Ông Ích Thanh)).	Xã Ea Lê	Đặc thù	Ban Quản lý xã Ea Lê	2024-2025	282/QĐ-UBND ngày 15/11/2023 của UBND xã	2.835	2.830	-	-	5	1.200		1.200	1.200		
7	Đường giao thông thôn 14 (từ nhà ông Sơn đến đường liên xã Ea Lê - CưMlan (nhà bà Muôn)).	Xã Ea Lê	Đặc thù	Ban Quản lý xã Ea Lê	2024-2025	277/QĐ-UBND ngày 15/11/2023 của UBND xã	841	836	-	-	5	400		400	400		
8	Đường giao thông thôn 16 (Đoạn từ kênh chính Đông đến nhà bà Lê Thị Thu Hiền).	Xã Ea Lê	Đặc thù	Ban Quản lý xã Ea Lê	2024-2025	281/QĐ-UBND ngày 15/11/2023 của UBND xã	1.899	1.894	-	-	5	800		800	800		
9	Đường giao thông thôn 16 đi thôn 12, 15(đoạn từ kênh chính Đông đến đường liên xã Ea lê đi Cư Kbang và đoạn từ Huỳnh Thị Nga đến Hồ Văn Thứ thôn 16.	Xã Ea Lê	Đặc thù	Ban Quản lý xã Ea Lê	2024-2025	270/QĐ-UBND ngày 14/11/2023 của UBND xã	2.048	2.043	-	-	5	900		900	900		
10	Đường giao thông thôn 16 (đoạn từ Nguyễn Đình Diện đến Huỳnh Giáp và từ Mai Văn Hiệp đến Trịnh Minh Đặng thôn 16).	Xã Ea Lê	Đặc thù	Ban Quản lý xã Ea Lê	2024-2025	269/QĐ-UBND ngày 14/11/2023 của UBND xã	1.888	1.883	-	-	5	800		800	800		
11	Đường giao thông thôn 9 (từ tỉnh lộ I (Tăng Văn Hoá) đến đất ông Hứa Văn Nam).	Xã Ea Lê	Đặc thù	Ban Quản lý xã Ea Lê	2024-2025	275/QĐ-UBND ngày 14/11/2023 của UBND xã	925	920	-	-	5	400		400	400		

STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Cơ chế đầu tư (Thông thường/Đặc thù)	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án						Kế hoạch 2024					Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư dự kiến					Tổng số	Trong đó:				
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Nguồn NSTW	Nguồn NST			
								NSTW, NST	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã	Huy động khác			Tổng	Nguồn thu tiền SDD	Nguồn XSKT	
12	Đường giao thông thôn 5 (từ tỉnh lộ I (ông Lân) đến ông Có; từ Cây xăng Kiều Thức đến đất ông May và từ Tiên Cường đến nhà bà Yển).	Xã Ea Lê	Đặc thù	Ban Quản lý xã Ea Lê	2024-2025	279/QĐ-UBND ngày 15/11/2023 của UBND xã	988	983	-	-	5	400		400	400		
13	Đường giao thông liên thôn 11 đi thôn 17 (từ Cao Thị Hoà đến phân hiệu trường Nguyễn Văn Trỗi và từ tỉnh lộ 1 đến Cao Văn Hành).	Xã Ea Lê	Đặc thù	Ban Quản lý xã Ea Lê	2024-2025	274/QĐ-UBND ngày 14/11/2023 của UBND xã	1.119	1.114	-	-	5	500		500	500		
14	Đường giao thông thôn 2 (từ Phan Văn Châu đến đất ông Trần Viết Ngọc và từ nhà ông Hưng đến đất ông Sơn).	Xã Ea Lê	Đặc thù	Ban Quản lý xã Ea Lê	2024-2025	273/QĐ-UBND ngày 14/11/2023 của UBND xã	1.722	1.717	-	-	5	700		700	700		
15	Nhà văn hoá xã Ea Lê.	Xã Ea Lê	Đặc thù	Ban Quản lý xã Ea Lê	2024-2025	284/QĐ-UBND ngày 15/11/2023 của UBND xã	5.000	4.496	500	-	4	1.900		1.900	1.900		
16	Sân thể thao xã Ea Lê.	Xã Ea Lê	Đặc thù	Ban Quản lý xã Ea Lê	2024-2025	283/QĐ-UBND ngày 15/11/2023 của UBND xã	225	198	22	-	5	100		100	100		
XII	HUYỆN KRÔNG ANA						42.630	31.284	11.060	-	286	14.100	8.100	6.000	4.700	1.300	
XII.1	Xã Dư Kmăl						35.715	26.290	9.200	-	225	12.000	7.200	4.800	3.500	1.300	
1	Nhà văn hóa, sân thể thao xã Dư Kmăl, huyện Krông Ana.	Xã Dư Kmăl	Thông thường	Ban Quản lý xã Dư Kmăl	2024-2025	4068/QĐ-UBND ngày 16/11/2023	5.200	2.600	2.550	-	50	1.200	1.200	-			
2	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên thôn từ buôn Krang đi buôn Krông, xã Dư Kmăl, huyện Krông Ana (đoạn đèo buôn Krông).	Xã Dư Kmăl	Thông thường	Ban Quản lý xã Dư Kmăl	2024-2025	4069/QĐ-UBND ngày 16/11/2023	6.270	5.640	600	-	30	2.400	1.500	900	900		
3	Đường từ ngã ba buôn Triết đi Núi Năm, xã Dư Kmăl, huyện Krông Ana.	Xã Dư Kmăl	Thông thường	Ban Quản lý xã Dư Kmăl	2024-2025	4070/QĐ-UBND ngày 16/11/2023	5.445	4.900	500	-	45	2.100	500	1.600	1.600		
4	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông liên xã Dư Kmăl đi xã Quảng Điền, huyện Krông Ana.	Xã Dư Kmăl	Thông thường	Ban QLDA ĐTXD huyện Krông Ana	2024-2025	4071/QĐ-UBND ngày 16/11/2023	12.800	8.950	3.800	-	50	4.500	4.000	500		500	
5	Xây dựng trạm bơm T144 và kiên cố hóa kênh mương cánh đồng B, thôn buôn Triết, xã Dư Kmăl, huyện Krông Ana.	Xã Dư Kmăl	Thông thường	Ban QLDA ĐTXD huyện Krông Ana	2024-2025	4072/QĐ-UBND ngày 16/11/2023	6.000	4.200	1.750	-	50	1.800		1.800	1.000	800	

STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Cơ chế đầu tư (Thông thường/Đặc thù)	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án						Kế hoạch 2024					Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư dự kiến					Tổng số	Trong đó:				
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Nguồn NSTW	Nguồn NST			
								NSTW, NST	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã	Huy động khác			Tổng	Nguồn thu tiền SDD	Nguồn XSKT	
XII.2	Xã Ea Na						4.600	3.220	1.330	-	50	1.300	900	400	400	-	
1	Đường giao thông liên thôn Tân lập đi buôn Ea Na, xã Ea Na, huyện Krông Ana (điểm đầu: Km11+600 tỉnh lộ 2; điểm cuối: buôn Ea Na).	Xã Ea Na	Thông thường	Ban Quản lý xã Ea Na	2024-2025	4073/QĐ-UBND ngày 16/11/2023	4.600	3.220	1.330	-	50	1.300	900	400	400		
XII.3	Xã Quảng Điền						2.315	1.774	530	-	11	800	-	800	800	-	
1	Sân thể thao xã Quảng Điền.	Xã Quảng Điền	Đặc thù	Ban Quản lý xã Quảng Điền	2024-2025	138a/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	765	380	380	-	5	200		200	200		
2	Đường giao thông liên thôn xã Quảng Điền, huyện Krông Ana (đoạn từ nghĩa địa thôn 4 đi trạm bơm VNSAT).	Xã Quảng Điền	Đặc thù	Ban Quản lý xã Quảng Điền	2024-2025	139a/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	1.550	1.394	150	-	6	600		600	600		